SeABank

Kết nối giá trị cuộc sống

Số: 28 /2022/QĐ-BKS

Hà Nội, ngày 26 tháng 04 năm 2022

QUYẾT ĐỊNH

V/v ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đông Nam Á

BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

- *Căn cứ Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật các tổ chức tín dụng năm 2017;*
- *Căn cứ Luật Doanh nghiệp năm 2020;*
- *Căn cứ Luật Chứng khoán năm 2019;*
- *Căn cứ Nghị định số 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Thông tư số 116/2020/TT-BTC của Bộ Tài chính về việc hướng dẫn một số điều về quản trị công ty áp dụng đối với công ty đại chúng tại Nghị định 155/2020/NĐ-CP ngày 31/12/2020 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Chứng khoán;*
- *Căn cứ Điều lệ tổ chức và hoạt động của Ngân hàng TMCP Đông Nam Á;*
- *Căn cứ Nghị quyết số ....12...../2022/ND- ĐHĐCĐ ngày 21/4/2022 của Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2022 Ngân hàng TMCP Đông Nam Á về việc thông qua nội dung sửa đổi, bổ sung của Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát SeABank;*
- *Căn cứ điều kiện thực tế,*

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này **"Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban kiểm soát Ngân hàng TMCP Đông Nam Á"**.

Điều 2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quyết định số ..66../QĐ-BKS ngày 24./09/2021 của Ban Kiểm soát về việc ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đông Nam Á. Các văn bản khác có nội dung trái với Quyết định này hết hiệu lực thi hành.

Điều 3. Các thành viên Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc, Trưởng Phòng Kiểm toán nội bộ và các Đơn vị, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:
- HĐQT.
- Như Điều 3 (để t/h);
- P.KTNB (để theo dõi);
- Lưu VT.

T/M. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM Á

VŨ THỊ NGỌC QUỲNH

QUY CHẾ VỀ TỔ CHỨC VÀ HOẠT ĐỘNG CỦA BAN KIỂM SOÁT NGÂN HÀNG TMCP ĐÔNG NAM Á

(Ban hành kèm theo Quyết định số 28 /2022/QĐ-BKS ngày 26 tháng 04 năm 2022 của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đông Nam Á)

CHƯƠNG I
QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế về tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Ngân hàng TMCP Đông Nam Á:
   a. Quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn của Ban Kiểm soát, Thành viên Ban Kiểm soát của SeABank;
   b. Quy định cơ cấu tổ chức nhân sự, các nguyên tắc, cơ chế và phương thức hoạt động của Ban Kiểm soát của SeABank;
   c. Tiêu chuẩn, điều kiện của thành viên BKS;
   d. Điều chỉnh mối quan hệ làm việc giữa Ban Kiểm soát với các cổ đông; giữa Ban Kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, các cơ quan, tổ chức, cá nhân bên ngoài; và giữa các thành viên Ban Kiểm soát với nhau.
2. Quy chế này được áp dụng cho Ban Kiểm soát của SeABank và các Đơn vị, cá nhân có liên quan của SeABank.

Điều 2. Định nghĩa[1]

1. **"SeABank"** được hiểu là Ngân hàng TMCP Đông Nam Á.
2. **"Quy chế"** được hiểu là Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát của SeABank.
3. **"Điều lệ"** được hiểu là Điều lệ SeABank.
4. **"BKS"** được hiểu là Ban Kiểm soát của SeABank.
5. **"Trưởng BKS"** được hiểu là Trưởng BKS SeABank.
6. **"Thành viên BKS"** được hiểu là Thành viên BKS SeABank.
7. **"HĐQT"** được hiểu là Hội đồng Quản trị SeABank.
8. **"Hệ thống SeABank"** được hiểu là gồm SeABank, các đơn vị sự nghiệp, các đơn vị trực thuộc và các Công ty con, Công ty liên kết của SeABank.
9. **"Người Quản lý"** được hiểu là những người có thẩm quyền thực hiện hoạt động quản lý tại SeABank bao gồm Chủ tịch HĐQT, thành viên HĐQT, Tổng Giám đốc và các chức danh quản lý khác quy định tại Điều lệ của SeABank.

---

[1] Điều 4 Luật các TCTD năm 2010.

10. **"Người điều hành của SeABank"** bao gồm Tổng Giám đốc, các Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Giám đốc chi nhánh và các chức danh tương đương khác của SeABank được HĐQT bổ nhiệm làm Người điều hành của SeABank.

11. **"Công ty con"** được hiểu là công ty thuộc một trong các trường hợp sau đây: (i) SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 50% vốn điều lệ hoặc trên 50% vốn cổ phần có quyền biểu quyết; (ii) SeABank có quyền trực tiếp hoặc gián tiếp bổ nhiệm đa số hoặc tất cả thành viên Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên hoặc Tổng Giám đốc (Giám đốc) của công ty con; (iii) SeABank có quyền sửa đổi, bổ sung điều lệ của công ty con; (iv) SeABank và người có liên quan của SeABank trực tiếp hay gián tiếp kiểm soát việc thông qua nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng Quản trị, Hội đồng Thành viên của công ty con.

12. **"Công ty liên kết"** được hiểu là công ty trong đó SeABank hoặc SeABank và người có liên quan của SeABank sở hữu trên 11% vốn điều lệ hoặc trên 11% vốn cổ phần có quyền biểu quyết, nhưng không phải là Công ty con của SeABank.

13. **"Cổ đông lớn"** được hiểu là cổ đông sở hữu trực tiếp, gián tiếp từ 5% vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank.

14. **"Người có liên quan"** được hiểu là tổ chức, cá nhân có quan hệ trực tiếp hoặc gián tiếp với SeABank thuộc một trong các trường hợp sau đây:

    a. SeABank với công ty con của SeABank và ngược lại; các công ty con của SeABank với nhau; người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SeABank, cá nhân hoặc tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người này với công ty con và ngược lại;

    b. SeABank với người quản lý, thành viên Ban kiểm soát của SeABank hoặc với công ty, tổ chức có thẩm quyền bổ nhiệm những người đó và ngược lại;

    c. SeABank với tổ chức, cá nhân sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên tại SeABank và ngược lại;

    d. Cá nhân với vợ, chồng, cha, mẹ, con, anh, chị, em của những người này;

    e. SeABank với cá nhân theo quy định tại điểm d khoản này của người quản lý, thành viên Ban kiểm soát, thành viên góp vốn hoặc cổ đông sở hữu từ 5% Vốn Điều lệ hoặc vốn cổ phần có quyền biểu quyết trở lên của SeABank và ngược lại;

    f. Cá nhân được ủy quyền đại diện cho tổ chức, cá nhân quy định tại các điểm a, b, c, d và e khoản này với tổ chức, cá nhân ủy quyền; các cá nhân được ủy quyền đại diện phần vốn góp của cùng một tổ chức với nhau.

    g. Các trường hợp khác theo quy định của pháp luật.

15. **"Người có quan hệ gia đình"** bao gồm: vợ, chồng, bố đẻ, mẹ đẻ, bố nuôi, mẹ nuôi, bố chồng, mẹ chồng, bố vợ, mẹ vợ, con đẻ, con nuôi, con rể, con dâu, anh ruột, chị ruột, em ruột, anh rể, em rể, chị dâu, em dâu, anh ruột của vợ, anh ruột của chồng, chị ruột của vợ, chị ruột của chồng, em ruột của vợ, em ruột của chồng.

16. **"NHNN"** được hiểu là Ngân hàng Nhà nước Việt Nam.

17. "Luật các TCTD 2010" được hiểu là Luật các Tổ chức tín dụng năm 2010 và Luật sửa đổi, bổ sung một số Điều của Luật các Tổ chức tín dụng năm 2017.

18. "Luật Doanh nghiệp" được hiểu là Luật doanh nghiệp được Quốc hội nước Cộng hoà xã hội chủ nghĩa Việt Nam thông qua ngày 17 tháng 06 năm 2020 và các văn bản sửa đổi, bổ sung (nếu có).
19. "Điều lệ của SeABank"được hiểu là Điều lệ tổ chức và hoạt động của SeABank, được Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2021 thông qua, và các bản sửa đổi, bổ sung, thay thế (nếu có) của Điều lệ này.

Điều 3. Vị trí, vai trò của Ban kiểm soát

Ban kiểm soát là cơ quan giám sát hoạt động của SeABank; thực hiện kiểm toán nội bộ, kiểm soát, đánh giá việc chấp hành quy định của pháp luật, quy định nội bộ, Điều lệ và nghị quyết, quyết định của Đại Hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị.[2]

Điều 4. Nguyên tắc hoạt động của Ban Kiểm soát[3]

1. Ban kiểm soát làm việc theo nguyên tắc tập thể. Các thành viên của BKS chịu trách nhiệm cá nhân về phần việc của mình và cùng chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông, trước pháp luật về các công việc, quyết định của BKS.
2. Các thành viên BKS thực hiện chức năng kiểm tra, giám sát hoạt động ngân hàng dưới sự phân công của Trưởng BKS theo một số nguyên tắc cơ bản sau đây:
   a. BKS bàn bạc, biểu quyết để quyết định các vấn đề thuộc chức năng, nhiệm vụ và quyền hạn của BKS SeABank thông qua các phiên họp hoặc xin ý kiến bằng văn bản. Việc tổ chức họp và xin ý kiến bằng văn bản được thực hiện theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ của SeABank và các quy định pháp luật có liên quan.
   b. Thành viên BKS tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị; thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của BKS; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.
   c. Các thành viên BKS phải có đủ sức khỏe, năng lực, phẩm chất và tinh thần trách nhiệm; có trình độ chuyên môn, kiến thức và kinh nghiệm thực tiễn; đồng thời phải chịu sự phân công của Trưởng BKS.
   d. Các thành viên BKS chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông và trước pháp luật về kết quả công việc, các ý kiến, quyết định của mình trong thời gian đương nhiệm.
   e. BKS tổ chức và hoạt động theo nguyên tắc tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ và các quy định của SeABank.
   f. Mọi diễn biến và những thông tin thu thập được trong quá trình giám sát của BKS phải được xem xét, đánh giá trung thực, khách quan trên cơ sở các tài liệu đã được kiểm tra tại chỗ hoặc qua hệ thống thông tin báo cáo.

CHƯƠNG II

[2] Khoản 1 Điều 44 Luật các TCTD.
[3] Điều 2 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

THÀNH VIÊN BAN KIỂM SOÁT

Điều 5. Quyền, nghĩa vụ và trách nhiệm của thành viên Ban kiểm soát[4]

1. Tuân thủ đúng pháp luật, Điều lệ Ngân hàng, Nghị quyết của đại hội đồng cổ đông và đạo đức nghề nghiệp trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao.
2. Thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao một cách trung thực, cẩn trọng, tốt nhất nhằm đảm bảo lợi ích hợp pháp tối đa SeABank.
3. Trung thành với lợi ích của SeABank và cổ đông; không lạm dụng địa vị, chức vụ và sử dụng thông tin, bí quyết, cơ hội kinh doanh, tài sản khác của SeABank để tư lợi hoặc để phục vụ cho lợi ích của tổ chức, cá nhân khác.
4. Các nghĩa vụ khác theo quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank;
5. Trường hợp vi phạm nghĩa vụ quy định tại các khoản 1, 2, 3, 4 Điều này mà gây thiệt hại cho SeABank hoặc người khác thì các thành viên BKS phải chịu trách nhiệm cá nhân hoặc liên đới bồi thường thiệt hại đó[5]. Thu nhập và lợi ích khác mà kiểm soát viên có được do vi phạm phải hoàn trả cho Ngân hàng.
6. Trường hợp phát hiện có thành viên BKS vi phạm trong thực hiện quyền và nghĩa vụ được giao thì thông báo bằng văn bản đến BKS; yêu cầu người có hành vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả.

Điều 6. Nhiệm kỳ và số lượng thành viên Ban kiểm soát[6]

1. BKS của SeABank có ít nhất 03 thành viên và nhiều nhất là 05 thành viên, trong đó có một (01) người là Trưởng ban, ít nhất có ½ (một phần hai) tổng số thành viên là chuyên trách, không đồng thời đảm nhiệm chức vụ, công việc khác tại SeABank hoặc doanh nghiệp khác [7].
2. Thành viên BKS phải là người đáp ứng được các điều kiện quy định tại Quy chế này, Điều lệ SeABank và quy định của pháp luật, đồng thời không nhất thiết là cổ đông của SeABank.
3. Thành viên BKS chuyên trách phải cư trú tại Việt Nam trong thời gian đương nhiệm.
4. Nhiệm kỳ của BKS không quá 05 năm. BKS của nhiệm kỳ vừa kết thúc tiếp tục hoạt động cho đến khi BKS của nhiệm kỳ mới được bầu và nhận nhiệm vụ.
5. Nhiệm kỳ của thành viên BKS theo nhiệm kỳ của BKS. Thành viên BKS có thể được bầu hoặc bổ nhiệm lại với số nhiệm kỳ không hạn chế. Trường hợp có thành viên được bổ sung hoặc thay thế thành viên bị đương nhiên mất tư cách, miễn nhiệm, bãi nhiệm trong thời hạn nhiệm kỳ thì nhiệm kỳ của thành viên đó là thời hạn còn lại của nhiệm kỳ BKS.
6. Những người được bầu giữ chức Trưởng Ban và Thành viên BKS có trách nhiệm tiếp nhận bàn giao và đảm nhiệm công việc của chức danh được bầu. Những người bị miễn nhiệm, bãi nhiệm có trách nhiệm bàn giao công việc cho những người mới được bầu;

---

[4] Điều 173 Luật doanh nghiệp 2020 và Điều 3 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[4] Điều 173 Luật Doanh nghiệp 2020.
[6] Điều 44.2 Luật tổ chức tín dụng 2010; Điều 168.1 Luật DN 2020
[7] Khoản 2 Điều 44 Luật các TCTD.

đồng thời phải chịu trách nhiệm cá nhân đối với các quyết định của mình trong thời gian đảm nhiệm chức danh đó.

7. Trường hợp số thành viên BKS không đủ hai phần ba (2/3) tổng số thành viên của nhiệm kỳ hoặc không đủ số thành viên tối thiểu theo quy định tại Điều lệ SeABank thì trong thời hạn 60 ngày, kể từ ngày không đủ số lượng thành viên, SeABank phải bổ sung đủ số lượng thành viên BKS.

Điều 7. Tiêu chuẩn và điều kiện để được bầu, bổ nhiệm làm thành viên BKS

1. Thành viên BKS phải là những người có uy tín, đạo đức, nghề nghiệp và hiểu biết về hoạt động ngân hàng và đáp ứng được các yêu cầu về trình độ chuyên môn và đạo đức nghề nghiệp do NHNN quy định và phù hợp với Điều lệ của SeABank.
2. Các thành viên BKS phải đáp ứng các điều kiện, tiêu chuẩn theo quy định tại Điều 70 Điều lệ của SeABank.
3. Những người không được là Thành viên BKS của SeABank thực hiện theo Điều 73 Điều lệ của SeABank.
4. Những trường hợp không cùng đảm nhiệm chức vụ thành viên BKS được thực hiện theo Điều 74 Điều lệ của SeABank.
5. Thành viên BKS của SeABank không phải là (i) người có quan hệ gia đình của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và người quản lý khác; (ii) không phải là người quản lý Ngân hàng; (iii) Không được làm việc trong bộ phận kế toán, tài chính của Ngân hàng; (iv) Không được là thành viên hay nhân viên của tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán các báo cáo tài chính của Ngân hàng trong 03 năm liền trước đó; (v) không được là người có quan hệ gia đình của người quản lý của Ngân hàng và công ty mẹ của Ngân hàng.
6. Tiêu chuẩn và điều kiện khác theo quy định khác của pháp luật có liên quan và Điều lệ của SeABank.

Điều 8. Trưởng Ban kiểm soát

1. Trưởng BKS do BKS bầu trong số các thành viên BKS; việc bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo nguyên tắc đa số[8].
2. Trưởng Ban kiểm soát phải có bằng tốt nghiệp đại học trở lên thuộc một trong các chuyên ngành kinh tế, tài chính, kế toán, kiểm toán, luật, quản trị kinh doanh hoặc chuyên ngành có liên quan đến hoạt động kinh doanh của Ngân hàng.
3. Quyền và nghĩa vụ của Trưởng Ban kiểm soát quy định tại Điều 65 Điều lệ của SeABank.

Điều 9. Đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát

1. Việc đề cử, ứng cử thành viên Ban kiểm soát được thực hiện theo Điều 75 Điều lệ của SeABank.
2. Trường hợp số lượng các ứng viên được cổ đông, nhóm cổ đông đề cử không đủ số lượng cần thiết, HĐQT hoặc BKS đương nhiệm có thể giới thiệu thêm ứng viên hoặc tổ chức đề

[8] Điều 168.2 Luật doanh nghiệp 2020

cử các ứng viên còn lại theo trình tự, thủ tục và điều kiện tại Điều lệ SeABank, Quy chế nội bộ về quản trị Ngân hàng và Quy chế này. [9]

3. Đại hội đồng cổ đông quyết định số lượng thành viên BKS với số cổ đông đại diện trên **51%** tổng số phiếu biểu quyết của tất cả các cổ đông dự họp chấp thuận và tổ chức bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm, bầu bổ sung, thay thế các thành viên BKS dưới hình thức bầu dồn phiếu. Theo đó, mỗi cổ đông có tổng số phiếu biểu quyết tương ứng với tổng số cổ phần sở hữu nhân với số thành viên được bầu của BKS và cổ đông có quyền dồn hết tổng số phiếu bầu của mình cho một hoặc một số ứng cử viên.[10]
4. Người trúng cử thành viên BKS được xác định theo số phiếu bầu tính từ cao xuống thấp, bắt đầu từ ứng cử viên có số phiếu bầu cao nhất cho đến khi đủ số lượng thành viên quy định tại Điều lệ của SeABank. Trường hợp có hai ứng cử viên trở lên đạt cùng số phiếu bầu như nhau cho thành viên cuối cùng của BKS thì sẽ tiến hành bầu lại trong số các ứng cử viên có số phiếu bầu ngang nhau hoặc lựa chọn theo tiêu chí Điều lệ của SeABank hoặc thể lệ bầu cử.[11]
5. Các thành viên BKS sẽ bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm chức danh Trưởng BKS.
6. Danh sách thành viên BKS dự kiến bầu phải được NHNN chấp thuận bằng văn bản trước khi bầu các chức danh này. Trình tự, thủ tục, hồ sơ xin chấp thuận danh sách dự kiến việc bầu, bổ nhiệm thành viên BKS được thực hiện theo quy định của NHNN trong từng thời kỳ.

Điều 10. Đương nhiên mất tư cách

Việc đương nhiên mất tư cách thành viên BKS thực hiện theo Điều 77 Điều lệ của SeABank.

Điều 11. Miễn nhiệm, bãi nhiệm kiểm soát viên

Trưởng ban và các thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm theo Điều 78 Điều lệ của SeABank.

Điều 12. Đình chỉ, tạm đình chỉ tư cách thành viên BKS[12]

1. Trưởng Ban và các Thành viên của BKS có thể bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn trong các trường hợp sau:
   a. Theo quyết định của BKS đặc biệt trong trường hợp SeABank bị đặt vào tình trạng kiểm soát đặc biệt, nếu xét thấy cần thiết.
   b. Theo quyết định của NHNN trong trường hợp có vi phạm quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank trong quá trình thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Người bị đình chỉ, tạm đình chỉ việc thực thi nhiệm vụ, quyền hạn theo quy định tại Điều này phải có trách nhiệm tham gia xử lý các tồn tại và sai phạm có liên quan đến trách nhiệm cá nhân khi có yêu cầu của Hội đồng quản trị và BKS của SeABank hoặc BKS đặc biệt hoặc cơ quan nhà nước có thẩm quyền.

Điều 13. Thay thế thành viên BKS

[9] Điều 285 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP.
[10] Khoản 3 Điều 59 Luật các TCTD năm 2010.
[11] Khoản 3 Điều 148 Luật Doanh nghiệp 2020.
[12] Điều 37 Luật các TCTD 2010.

1. Trong thời hạn không quá 15 ngày kể từ ngày Trưởng BKS bị đương nhiên mất tư cách, các thành viên BKS có trách nhiệm tổ chức họp BKS để bầu một thành viên BKS (đủ tiêu chuẩn, điều kiện theo Quy chế này) làm Trưởng BKS.
2. Trưởng BKS muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và BKS. Trong thời hạn 60 ngày kể từ ngày nhận đơn, BKS phải tổ chức họp để xem xét quyết định và tiến hành các thủ tục miễn nhiệm, bãi nhiệm và bầu Trưởng BKS mới theo quy định hiện hành.
3. Trường hợp không có thành viên BKS là kế toán viên, hoặc kiểm toán viên chuyên nghiệp để đảm nhiệm chức vụ Trưởng Ban Kiểm soát thay thế Trưởng Ban Kiểm soát trong trường hợp khoản 1 và 2 Điều này, các thành viên BKS còn lại cử một thành viên đảm bảo tiêu chuẩn về mặt đạo đức nghề nghiệp tạm thời đảm nhiệm công việc của của Trưởng ban Kiểm soát và đề nghị HĐQT trong thời hạn 60 ngày (kể từ ngày trưởng ban kiểm soát bị đương nhiên mất tư cách) tiến hành triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên BKS.
4. Thành viên BKS muốn thôi đảm nhiệm chức vụ phải có đơn gửi đến Hội đồng quản trị và BKS để trình Đại hội đồng cổ đông gần nhất quyết định.
5. Trường hợp bị giảm quá một phần ba số thành viên BKS hoặc không đủ số thành viên BKS tối thiểu theo quy định của Điều lệ SeABank, trong thời hạn không quá 60 ngày kể từ ngày không đủ số thành viên BKS theo quy định, BKS phải đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông để bầu bổ sung thành viên BKS.
6. Trong các trường hợp khác, cuộc họp gần nhất của Đại hội đồng cổ đông sẽ bầu thành viên BKS mới để thay thế cho thành viên BKS bị miễn nhiệm, bãi nhiệm hoặc bổ sung những thành viên còn thiếu.

Điều 14. Thông báo về việc bầu, bổ nhiệm, miễn, nhiệm thành viên BKS[13]

1. Trường hợp đã xác định được ứng cử viên Ban kiểm soát, SeABank công bố thông tin liên quan đến các ứng cử viên tối thiểu 10 ngày trước ngày khai mạc họp Đại hội đồng cổ đông trên trang thông tin điện tử của Ngân hàng để cổ đông có thể tìm hiểu về các ứng cử viên này trước khi bỏ phiếu. Ứng cử viên Ban kiểm soát phải có cam kết bằng văn bản về tính trung thực, chính xác của các thông tin cá nhân được công bố và phải cam kết thực hiện nhiệm vụ một cách trung thực, cẩn trọng và vì lợi ích cao nhất của Ngân hàng nếu được bầu làm thành viên Ban kiểm soát. Thông tin liên quan đến ứng cử viên Ban Kiểm soát được công bố bao gồm:
   a) Họ tên, ngày, tháng, năm sinh;
   b) Trình độ chuyên môn;
   c) Quá trình công tác;
   d) Các chức danh quản lý khác;
   e) Lợi ích có liên quan tới Ngân hàng và các bên có liên quan của Ngân hàng;
   f) Các thông tin khác (nếu có) theo quy định tại Điều lệ SeABank;

[13] Điều 274 Nghị định số 155/2020/NĐ-CP và Điều 10 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV của Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

2. SeABank thông báo về kết quả bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm thành viên BKS thực hiện theo các quy định hướng dẫn về công bố thông tin và báo cáo NHNN trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày bầu, miễn nhiệm, bãi nhiệm theo quy định.

CHƯƠNG III
BAN KIỂM SOÁT

Điều 15. Nhiệm vụ và quyền hạn của BKS[14]

1. Giám sát Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc trong việc quản lý và điều hành Ngân hàng; giám sát việc tuân thủ các quy định của pháp luật và Điều lệ của SeABank trong quản trị, điều hành ngân hàng; chịu trách nhiệm trước pháp luật, trước Đại hội đồng cổ đông trong việc thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
2. Ban hành Quy định nội bộ của BKS. Định kỳ hàng năm, xem xét lại Quy định nội bộ của BKS, các chính sách quan trọng về kế toán và báo cáo của Ngân hàng.
3. Bổ nhiệm, miễn nhiệm, kỷ luật, đình chỉ và quyết định mức lương, lợi ích khác đối với các chức danh thuộc bộ phận kiểm toán nội bộ.
4. Thực hiện chức năng kiểm toán nội bộ; có quyền sử dụng tư vấn độc lập và quyền được tiếp cận, cung cấp đầy đủ, chính xác, kịp thời các thông tin, tài liệu liên quan đến hoạt động quản lý, điều hành ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ, quyền hạn được giao.
5. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo tình hình kinh doanh, báo cáo tài chính 06 tháng đầu năm và hằng năm của SeABank, báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị, và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên;
6. Rà soát hợp đồng, giao dịch với người có liên quan thuộc thẩm quyền phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông và đưa ra khuyến nghị về hợp đồng, giao dịch cần có phê duyệt của Hội đồng quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông;
7. Đánh giá tính hợp lý, hợp pháp, trung thực và mức độ cẩn trọng trong công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính. BKS có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
8. Thẩm định tính đầy đủ, hợp pháp và trung thực của báo cáo đánh giá công tác quản lý của Hội đồng quản trị và trình báo cáo thẩm định tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.[15]
9. Xem xét sổ kế toán, ghi chép kế toán, các tài liệu khác và công việc quản lý, điều hành hoạt động của ngân hàng khi thấy cần thiết hoặc theo nghị quyết, quyết định của Đại hội đồng cổ đông hoặc theo yêu cầu của cổ đông lớn hoặc nhóm cổ đông lớn theo quy định tại Điều lệ của SeABank. BKS triển khai thực hiện kiểm tra trong thời hạn 07 ngày làm việc, kể từ ngày nhận được yêu cầu. Trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày kết thúc kiểm tra, BKS phải báo cáo, giải trình về những vấn đề được yêu cầu kiểm tra đến Hội đồng quản trị và cổ đông hoặc nhóm cổ đông có yêu cầu.

[14] Điều 45 Luật các TCTD 2010 (đã được sửa đổi, bổ sung năm 2017).
[15] Khoản 3 Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.

10. Kiến nghị Hội đồng Quản trị hoặc Đại hội đồng cổ đông các biện pháp sửa đổi, bổ sung, cải tiến cơ cấu tổ chức quản lý, giám sát và điều hành hoạt động kinh doanh của Ngân hàng (nếu có).[16]
11. Kịp thời thông báo bằng văn bản trong thời hạn 48 giờ cho Hội đồng quản trị khi phát hiện trường hợp vi phạm của người quản lý ngân hàng theo quy định tại Quy chế này, Điều lệ của SeABank và quy định pháp luật hiện hành có liên quan, đồng thời yêu cầu người vi phạm chấm dứt hành vi vi phạm và có giải pháp khắc phục hậu quả (nếu có). [17]
12. Lập danh sách cổ đông sáng lập, cổ đông lớn, thành viên góp vốn và người có liên quan của thành viên Hội đồng quản trị, thành viên Ban kiểm soát, Tổng giám đốc của SeABank; lưu giữ và cập nhật thay đổi của danh sách này.
13. Đề nghị Hội đồng quản trị họp bất thường hoặc đề nghị Hội đồng quản trị triệu tập Đại hội đồng cổ đông họp bất thường theo quy định tại Luật các TCTD, Điều lệ của SeABank, Quy chế tổ chức và hoạt động của Hội đồng Quản trị và các quy định khác có liên quan.
14. Triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông bất thường trong trường hợp Hội đồng Quản trị có quyết định vi phạm nghiêm trọng quy định của Luật các TCTD hoặc có quyết định vượt quá thẩm quyền được giao và trường hợp khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank.
15. Kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp, tính trung thực và mức độ cẩn trọng trong quản lý, điều hành hoạt động kinh doanh; tính hệ thống, nhất quan và phù hợp của công tác kế toán, thống kê và lập báo cáo tài chính;
16. Rà soát, kiểm tra và đánh giá hiệu lực và hiệu quả của hệ thống kiểm soát nội bộ, kiểm toán nội bộ, quản lý rủi ro và cảnh báo sớm của SeABank;
17. Tham dự và tham gia thảo luận tại các cuộc họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị và các cuộc họp khác của Ngân hàng
18. Sử dụng tư vấn độc lập, bộ phận kiểm toán nội bộ của Ngân hàng để thực hiện nhiệm vụ được giao.
19. Ban kiểm soát có thể tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông.
20. Đề nghị Chủ tịch Hội đồng quản trị phải triệu tập họp Hội đồng quản trị.
21. Đề xuất và kiến nghị Đại hội đồng cổ đông phê duyệt danh sách tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm toán Báo cáo tài chính của Ngân hàng; tổ chức kiểm toán được chấp thuận thực hiện kiểm tra các hoạt động của Ngân hàng khi xét thấy cần thiết.
22. Giám sát tình hình tài chính của Ngân hàng, việc tuân thủ pháp luật của thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc, người quản lý khác trong các hoạt động.
23. Đảm bảo phối hợp hoạt động với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và cổ đông.
24. Xây dựng Quy chế hoạt động của Ban kiểm soát và trình Đại hội đồng cổ đông thông qua.

[16] Khoản 7Điều 170 Luật Doanh nghiệp 2020.
[17] Điều 165 Luật doanh nghiệp 2020; Điều 170.8 Luật doanh nghiệp 2020

25. Chứng kiến Hội đồng quản trị tổ chức kiểm phiếu và lập biên bản kiểm phiếu nếu được Hội đồng quản trị yêu cầu trong trường hợp lấy ý kiến cổ đông bằng văn bản để thông qua nghị quyết của Đại hội đồng cổ đông.
26. Các nhiệm vụ và quyền hạn khác theo quy định tại Điều lệ của SeABank và quy định của pháp luật.

Điều 16. Quyền được cung cấp thông tin cho BKS [18]

1. Ban kiểm soát được nhận các thông tin, tài liệu sau đây vào cùng thời điểm và theo phương thức như đối với thành viên Hội đồng quản trị:
   a. Thông báo mời họp, phiếu lấy ý kiến thành viên Hội đồng quản trị và tài liệu kèm theo;
   b. Nghị quyết, quyết định và biên bản họp của Đại hội đồng cổ đông, Hội đồng quản trị;
   c. Báo cáo của Tổng giám đốc trình Hội đồng quản trị hoặc tài liệu khác do SeABank phát hành.
2. Thành viên BKS có quyền tiếp cận các hồ sơ, tài liệu của SeABank lưu giữ tại trụ sở chính, chi nhánh và địa điểm khác; có quyền đến các địa điểm nơi người quản lý và nhân viên của SeABank làm việc trong thời giờ làm việc.
3. Hội đồng quản trị, thành viên Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc, người quản lý khác phải cung cấp đầy đủ, chính xác và kịp thời thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của SeABank theo yêu cầu của thành viên BKS hoặc Ban Kiểm soát (theo đúng quy định của pháp luật).
4. Ban Kiểm soát, thành viên Ban Kiểm soát không được tiết lộ bí mật của SeABank.

Điều 17. Trách nhiệm của Ban kiểm soát trong việc triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông

1. Ban kiểm soát có trách nhiệm thay thế Hội đồng quản trị triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong thời hạn 30 ngày trong trường hợp Hội đồng quản trị không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông trong các trường hợp sau đây:
   a) Số thành viên Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát còn lại ít hơn số thành viên theo quy định của pháp luật;
   b) Theo yêu cầu của cổ đông hoặc nhóm cổ đông quy định tại khoản 2 Điều 36 Điều lệ của SeABank;
   c) Khi có yêu cầu triệu tập họp bất thường Đại hội đồng cổ đông của Ban kiểm soát nhưng Hội đồng quản trị không thực hiện.
2. Trường hợp Ban kiểm soát không triệu tập họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định thì Ban kiểm soát phải bồi thường thiệt hại phát sinh cho Ngân hàng.
3. Chi phí triệu tập và tiến hành họp Đại hội đồng cổ đông theo quy định tại khoản 1 Điều này sẽ được Ngân hàng hoàn lại.

CHƯƠNG IV
CUỘC HỌP CỦA BAN KIỂM SOÁT

[18] Điều 171 Luật Doanh nghiệp 2020.

Điều 18. Cuộc họp của BKS

1. Cuộc họp của BKS được tổ chức theo các hình thức sau đây:

   a. Cuộc họp thường kỳ: BKS họp định kỳ ít nhất hai lần trong một năm.

   b. Cuộc họp bất thường: Được triệu tập để kịp thời giải quyết những công việc đột xuất và theo đề nghị của:

      (i) Chủ tịch Hội đồng quản trị;

      (ii) Từ hai phần ba số thành viên Hội đồng quản trị trở lên;

      (iii) Trưởng BKS;

      (iv) Từ hai phần ba số thành viên BKS trở lên;

      (v) Tổng giám đốc;

   Đề nghị phải được lập thành văn bản, trong đó nêu rõ mục đích, vấn đề cần thảo luận và quyết định thuộc thẩm quyền của Ban Kiểm soát.

2. Địa điểm họp. Các cuộc họp BKS sẽ được tiến hành tại trụ sở chính của SeABank hoặc một địa điểm khác theo quyết định của Trưởng Ban Kiểm soát hoặc địa điểm nơi Trưởng Ban Kiểm soát tham dự họp.

3. Hình thức và phương thức họp: Cuộc họp của BKS có thể thực hiện thông qua hình thức hội nghị trực tiếp hoặc hội nghị trực tuyến, hoặc bằng hình thức hội nghị trực tiếp kết hợp với trực tuyến, hoặc bỏ phiếu điện tử hoặc hình thức điện tử khác do Trưởng BKS quyết định. Trình tự, thủ tục họp và biểu quyết của BKS do Trưởng BKS quyết định và hướng dẫn, đảm bảo phù hợp với tình hình thực tế của Ngân hàng.

4. Thông báo và Chương trình họp: Cuộc họp Ban kiểm soát được tiến hành sau 5 ngày kể từ gửi thông báo cho các thành viên Ban kiểm soát. Thông báo về cuộc họp Ban kiểm soát được làm bằng văn bản tiếng Việt, trong đó nêu rõ về: chương trình họp, thời gian, địa điểm và phải được kèm theo những tài liệu cần thiết về những vấn đề sẽ được bàn bạc và biểu quyết tại cuộc họp Ban kiểm soát và cả các phiếu bầu cho những thành viên Ban kiểm soát không thể dự họp. Những thành viên Ban kiểm soát này sẽ gửi phiếu bầu cho Ban kiểm soát trước khi họp.

   Thông báo mời họp được gửi bằng bưu điện, fax, thư điện tử hoặc phương tiện khác, nhưng phải bảo đảm đến được địa chỉ của từng thành viên BKS được đăng ký tại SeABank.

5. Trong thời gian 15 (mười lăm) ngày, kể từ ngày nhận được văn bản đề nghị họp BKS bất thường của một trong các đối tượng nêu tại khoản điểm b khoản 1 Điều này, Trưởng BKS phải triệu tập và tiến hành cuộc họp BKS bất thường. Trường hợp sau hai lần đề nghị kế tiếp mà Trưởng BKS không triệu tập cuộc họp BKS, người đề nghị họp có quyền thay thế Trưởng BKS triệu tập họp BKS. Trường hợp Trưởng Ban không triệu tập họp BKS theo đề nghị thì Trưởng Ban phải chịu trách nhiệm về những thiệt hại xảy ra đối với Ngân hàng.

6. Trường hợp triệu tập BKS định kỳ lần đầu nhưng không đủ số thành viên tham dự theo quy định, Trưởng BKS phải triệu tập tiếp cuộc họp BKS lần hai trong thời gian không quá 15 (mười lăm) ngày tiếp theo. Sau hai lần triệu tập họp BKS không đủ số thành viên tham dự, Trưởng BKS phải thông báo cho Hội đồng quản trị biết và đề nghị triệu tập Đại

hội đồng cổ đông bất thường trong thời hạn không quá 30 ngày tiếp theo để cổ đông xem xét tư cách của các thành viên BKS.

7. Số thành viên tham dự yêu cầu:

   a. Cuộc họp BKS được coi là hợp lệ khi có từ 2/3 (hai phần ba) tổng số thành viên BKS trở lên dự họp. Trường hợp không trực tiếp dự họp, thành viên BKS có quyền ủy quyền biểu quyết cho một thành viên BKS khác hoặc gửi ý kiến biểu quyết bằng văn bản.

   b. Trong các cuộc họp của BKS, BKS có quyền yêu cầu thành viên HĐQT, Ban Tổng Giám đốc, kiểm toán nội bộ và kiểm toán viên độc lập tham dự và trả lời các vấn đề mà các thành viên BKS quan tâm.

8. Biểu quyết:

   a. Các quyết định của BKS được thông qua nếu được đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết dự họp chấp thuận. Trường hợp số phiếu ngang nhau thì quyết định cuối cùng thuộc về phía có ý kiến của Trưởng BKS hoặc thành viên BKS được Trưởng BKS ủy quyền chủ tọa (trường hợp Trưởng BKS vắng mặt).

   b. Thành viên BKS có quyền lợi liên quan tới vấn đề được đưa ra BKS quyết định sẽ không được phép tham gia biểu quyết đối với vấn đề đó và không được tính vào số lượng đại biểu yêu cầu có mặt tại cuộc họp, đồng thời cũng không được nhận uỷ quyền của thành viên BKS khác để tham gia biểu quyết vấn đề đó.

   c. Nếu có nghi ngờ nào nảy sinh tại một cuộc họp liên quan đến quyền lợi của thành viên BKS hoặc liên quan đến quyền được biểu quyết của thành viên BKS và những nghi ngờ đó không được thành viên BKS đó tự nguyện giải quyết bằng cách chấp thuận từ bỏ quyền biểu quyết, thì nghi ngờ đó sẽ được chuyển tới Chủ toạ của cuộc họp. Phán quyết của Chủ toạ sẽ có giá trị cuối cùng và có tính kết luận trừ trường hợp khi bản chất hoặc mức độ quyền lợi của thành viên BKS có liên quan đó chưa được biết rõ

9. Trường hợp BKS lấy ý kiến bằng văn bản: Trưởng BKS có thể lấy ý kiến các thành viên để thông qua quyết định về một vấn đề thuộc thẩm quyền. Việc lấy ý kiến bằng văn bản có thể thực hiện qua hình thức điện tử theo quyết định của Trưởng BKS. Quyết định của BKS thông qua theo hình thức lấy ý kiến bằng văn bản được coi là có giá trị tương đương với một quyết định được thông qua bởi các thành viên BKS tại một cuộc họp được triệu tập và tổ chức thông thường, nếu:

   a. Được sự nhất trí bằng văn bản của đa số thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết đối với vấn đề đưa ra xin ý kiến;

   b. Số lượng thành viên BKS có quyền tham gia biểu quyết bằng văn bản phải đáp ứng được điều kiện về số lượng thành viên bắt buộc phải có để tiến hành họp BKS quy định tại khoản 7 Điều này.

10. Biên bản:

   a. Cuộc họp BKS phải được ghi đầy đủ, rõ ràng và chi tiết vào sổ biên bản. Biên bản họp BKS được lập bằng tiếng Việt. Thư ký và các thành viên BKS tham dự cuộc họp phải ký tên vào biên bản họp và phải liên đới chịu trách nhiệm về tính chính xác và

trung thực của Biên bản. Các biên bản họp của Ban kiểm soát phải được lưu giữ nhằm xác định trách nhiệm của từng thành viên Ban kiểm soát[19].

b. Trường hợp thành viên trực tiếp dự họp không ký vào biên bản thì phải ghi rõ lý do; nếu không ghi rõ lý do thì biểu quyết của thành viên đó đối với những nội dung tại cuộc họp coi như không có giá trị.

c. Chủ tọa cuộc họp có trách nhiệm bố trí lập và gửi Biên bản cuộc họp BKS cho các thành viên BKS chậm nhất sau 07 ngày kể từ ngày họp BKS, trừ trường hợp Biên bản đó sẽ được coi là những bằng chứng mang tính kết luận về công việc tiến hành tại các cuộc họp đó, trừ trường hợp có những khiếu nại liên quan đến nội dung của Biên bản đó trong thời hạn 10 ngày kể từ ngày gửi Biên bản.

Điều 19. Hoạt động kiểm tra của BKS

1. BKS thực hiện nhiệm vụ kiểm tra và giám sát hoạt động tài chính trong SeABank và các công ty con thông qua việc kiểm tra hoạt động quản lý và sử dụng nguồn vốn, hoạt động đầu tư, việc chấp hành chế độ hạch toán, quản lý tài sản v.v...
2. BKS sử dụng Phòng Kiểm toán nội bộ trực thuộc để thực hiện hoạt động kiểm tra, rà soát, đánh giá độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ; đánh giá độc lập về tính thích hợp và sự tuân thủ quy định, chính sách nội bộ, thủ tục, quy trình đã được thiết lập trong Ngân hàng; đưa ra kiến nghị nhằm nâng cao hiệu quả của các hệ thống, quy trình, quy định, góp phần bảo đảm hoạt động Ngân hàng an toàn, hiệu quả, đúng pháp luật.
3. Hình thức kiểm tra:

- Kiểm tra từ xa.
- Kiểm tra tại chỗ: định kỳ hoặc đột xuất.

4. Phương thức kiểm tra:

- Kiểm tra sau.
- Tham gia góp ý kiến về những quyết định, chủ trương, chính sách và việc ban hành các quy định nội bộ thuộc thẩm quyền của Hội đồng Quản trị để đảm bảo tuân thủ các quy định của pháp luật, Điều lệ của SeABank và bảo vệ quyền lợi của cổ đông.

Điều 20. Trình báo cáo hàng năm

Các Báo cáo của Ban kiểm soát tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên bao gồm các nội dung sau đây:

1. Báo cáo về kết quả kinh doanh của Ngân hàng, về kết quả hoạt động của Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc để trình Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp Đại hội đồng cổ đông thường niên.
2. Báo cáo tự đánh giá kết quả hoạt động của Ban kiểm soát và thành viên Ban kiểm soát.
3. Thù lao, chi phí hoạt động và các lợi ích khác của Ban Kiểm soát và từng thành viên Ban kiểm soát.

[19] Điều 289 nghị định 155/2020/NĐ-CP

4. Tổng kết các cuộc họp của Ban kiểm soát và các kết luận, kiến nghị của Ban Kiểm soát; kết quả giám sát tình hình hoạt động và tài chính của Công ty.
5. Báo cáo đánh giá về giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người có liên quan của thành viên đó; giao dịch giữa Ngân hàng với công ty trong đó thành viên Hội đồng quản trị là thành viên sáng lập hoặc là người quản lý trong thời gian 03 năm gần nhất trước thời điểm giao dịch.
6. Kết quả giám sát đối với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và những người điều hành khác.
7. Kết quả đánh giá sự phối hợp hoạt động giữa Ban kiểm soát với Hội đồng quản trị, Tổng Giám đốc và các cổ đông.
8. Và các nội dung khác BKS xét thấy cần thiết.

Điều 21. Kinh phí hoạt động của BKS [20]

1. Kinh phí hoạt động (bao gồm tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và chi phí ăn, ở, đi lại, chi phí sử dụng dịch vụ tư vấn độc lập với mức hợp lý và các lợi ích khác trong quá trình thực hiện công việc) của BKS được tính vào chi phí kinh doanh của SeABank theo quy định của pháp luật về thuế thu nhập doanh nghiệp, pháp luật có liên quan và phải được lập thành mục riêng trong báo cáo tài chính hằng năm của SeABank.
2. Đại hội đồng cổ đông quyết định tổng mức tiền lương, thù lao, thưởng, lợi ích khác và ngân sách hoạt động hàng năm của BKS dựa trên kết quả kinh doanh của SeABank và thành tích công tác của BKS, phù hợp với quy định của pháp luật và của SeABank trong từng thời kỳ.
3. Tổng mức thù lao và kinh phí hoạt động của BKS không được vượt quá tổng ngân sách hoạt động hằng năm của BKS đã được Đại hội đồng cổ đông chấp thuận, trừ trường hợp Đại hội đồng cổ đông có quyết định khác.

Điều 22. Công khai các lợi ích liên quan

1. Thành viên Ban kiểm soát của Ngân hàng phải kê khai cho Ngân hàng về các lợi ích liên quan của mình, bao gồm:
   a. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà họ làm chủ hoặc sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần; tỷ lệ và thời điểm làm chủ, sở hữu phần vốn góp hoặc cổ phần đó;
   b. Tên, mã số doanh nghiệp, địa chỉ trụ sở chính, ngành, nghề kinh doanh của doanh nghiệp mà những người có liên quan của họ làm chủ, cùng sở hữu hoặc sở hữu riêng phần vốn góp hoặc cổ phần trên 10% vốn điều lệ.
2. Việc kê khai theo quy định tại khoản 1 Điều này phải được thực hiện trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày phát sinh lợi ích liên quan; việc sửa đổi, bổ sung phải được thông báo với Ngân hàng trong thời hạn 07 ngày làm việc kể từ ngày có sửa đổi, bổ sung tương ứng.

[20] Điều 172 Luật Doanh nghiệp 2020

3. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên Ban kiểm soát chỉ được sử dụng những thông tin có được nhờ chức vụ của mình để phục vụ lợi ích của Ngân hàng.
4. Thành viên Ban kiểm soát có nghĩa vụ thông báo bằng văn bản cho Hội đồng quản trị, Ban kiểm soát về các giao dịch giữa Ngân hàng, công ty con, công ty khác do Ngân hàng nắm quyền kiểm soát trên năm mươi phần trăm (50%) trở lên vốn điều lệ với thành viên Ban kiểm soát hoặc với những người có liên quan của thành viên Ban kiểm soát theo quy định của pháp luật. Đối với các giao dịch nêu trên do Đại hội đồng cổ đông hoặc Hội đồng quản trị chấp thuận, Ngân hàng phải thực hiện công bố thông tin về các nghị quyết này theo quy định của pháp luật chứng khoán về công bố thông tin.
5. Thành viên Ban kiểm soát và những người có liên quan của các thành viên này không được sử dụng hoặc tiết lộ cho người khác các thông tin nội bộ để thực hiện các giao dịch có liên quan.

Điều 23. Những vấn đề khác

1. BKS có bộ phận giúp việc, bộ phận kiểm toán nội bộ, được sử dụng các nguồn lực và con dấu của SeABank, được thuê chuyên gia và tổ chức bên ngoài để thực hiện nhiệm vụ của mình[21].
2. BKS chịu trách nhiệm trước Đại hội đồng cổ đông về những sai phạm gây thiệt hại cho SeABank trong khi thực hiện nhiệm vụ.

Điều 24. Mối quan hệ làm việc

1. Đối với cổ đông:
   a) Các thành viên BKS được Đại hội đồng cổ đông bầu ra. Trong quá trình thực hiện trách nhiệm và nhiệm vụ của mình, BKS và các thành viên BKS phải luôn coi trọng lợi ích của cổ đông, chịu trách nhiệm trước cổ đông về việc xác định tính chính xác, trung thực các số liệu, hồ sơ liên quan hoạt động của SeABank.
   b) Báo cáo Đại hội đồng cổ đông thường niên hoạt động của Ban kiểm soát và kết quả giám sát hoạt động của Ngân hàng theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank trong từng thời kỳ[22].
2. Đối với Hội đồng quản trị:
   a. BKS có mối quan hệ độc lập với HĐQT, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của HĐQT;[23]
   b. BKS phải phối hợp chặt chẽ với Hội đồng quản trị trong quá trình hoạt động;
   c. BKS hoạt động với tư cách khách quan độc lập tương đối trong quá trình kiểm tra, kiểm soát các hoạt động kinh doanh, quản lý, điều hành ngân hàng; đồng thời BKS có trách nhiệm phối hợp cùng Hội đồng quản trị theo dõi chỉ đạo quá trình chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, kiểm toán.

[21] Khoản *3* Điều 44 Luật các TCTD năm 2010.
[22] Điều 290 Nghị định 155/2020/NĐ-CP.
[23] Điều 21 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

d. Thành viên Hội đồng Quản trị, Tổng Giám đốc và các thành viên của Ban điều hành phải cung cấp tất cả các thông tin và tài liệu liên quan đến hoạt động của SeABank theo yêu cầu của BKS và thư ký phải bảo đảm rằng tất cả bản sao chụp các thông tin tài chính và các thông tin khác được cung cấp cho các thành viên Hội đồng quản trị cũng như các biên bản họp Hội đồng quản trị sẽ phải được cung cấp cho thành viên BKS vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị.

e. Trưởng BKS, thành viên Ban Kiểm soát được tham dự các cuộc họp của Hội đồng quản trị, phát biểu ý kiến và có những kiến nghị, nhưng không tham gia biểu quyết đối với các nghị quyết của Hội đồng quản trị; thường xuyên thông báo với Hội đồng quản trị về kết quả hoạt động của BKS; tham khảo ý kiến của Hội đồng quản trị trước khi trình các báo cáo, kết luận và kiến nghị lên Đại hội đồng cổ đông và trực tiếp báo cáo trước Đại hội đồng cổ đông.

f. Trước ngày 30 tháng 11 hàng năm, kế hoạch kiểm toán nội bộ cho năm tới phải được gửi cho Hội đồng quản trị và Tổng Giám đốc của SeABank.

3. Đối với Ban Tổng giám đốc/Giám đốc các Khối/ Phòng/ Ban/ Đơn vị kinh doanh và các bộ máy chuyên môn nghiệp vụ (sau đây gọi chung là "Giám đốc các Đơn vị"):

a. BKS có mối quan hệ độc lập với Ban TGĐ, là đơn vị thực hiện chức năng giám sát hoạt động của Ban Tổng giám đốc/Giám đốc các Khối/ Phòng/ Ban/ Đơn vị kinh doanh và các bộ máy chuyên môn nghiệp vụ;[24]

b. Ban Tổng giám đốc/ Giám đốc các Đơn vị chịu sự kiểm tra, giám sát của BKS đối với việc thực hiện nhiệm vụ điều hành của mình. Định kỳ hoặc đột xuất (theo yêu cầu của BKS) cung cấp tất cả các báo cáo, tài liệu và thông tin cần thiết cho BKS; đồng thời, phải có trách nhiệm theo dõi chỉ đạo bộ máy chuyên môn nghiệp vụ chấn chỉnh và xử lý các sai phạm theo kiến nghị của BKS sau mỗi lần kiểm tra, phúc tra, kể cả những sai sót của bản thân Tổng giám đốc/Giám đốc các Chi nhánh.

c. BKS được sử dụng hệ thống kiểm tra, kiểm soát nội bộ SeABank để thực thi nhiệm vụ của BKS; yêu cầu các bộ phận nghiệp vụ và nhân viên trực tiếp làm nghiệp vụ giải trình các công việc đã làm, xuất trình văn bản chỉ đạo, chứng từ sổ sách ghi chép và các tài liệu có liên quan khác (khi cần thiết) trong hoạt động để phục vụ việc kiểm tra hoặc kiểm toán.

d. Ban Kiểm soát thảo luận với Tổng Giám đốc về Chính sách kiểm toán nội bộ, Kế hoạch Kiểm toán nội bộ và thực hiện phê duyệt các Kế hoạch chính sách này trên cơ sở đã thống nhất với Hội đồng quản trị;

e. Khi thực thi nhiệm vụ kiểm tra, kiểm soát, các thành viên BKS phải bảo đảm không làm ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh hàng ngày của SeABank.

4. Giám sát của quản lý cấp cao đối với kiểm toán nội bộ:[25]

a. Giám sát, đánh giá việc thực hiện chuẩn mực đạo đức nghề nghiệp của thành viên Ban kiểm soát, kiểm toán viên nội bộ;

b. Giám sát bộ phận kiểm toán nội bộ trong việc:

---

[24] Điều 20 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Mẫu ban hành kèm theo Thông tư số 116/2020/TT-BTC.
[25] Điều 13 TT 13/2018/TT-NHNN.

(i) Thực hiện kiểm toán nội bộ;

(ii) Rà soát, đánh giá tính hiệu quả của kiểm toán nội bộ và kết quả thực hiện nhiệm vụ của Trưởng kiểm toán nội bộ;

(iii) Xử lý, khắc phục các tồn tại, hạn chế của kiểm toán nội bộ theo yêu cầu, kiến nghị của Ngân hàng Nhà nước, tổ chức kiểm toán độc lập và các cơ quan chức năng khác;

c. Rà soát, đánh giá để đảm bảo tính hiệu quả của công tác kiểm toán nội bộ; chịu trách nhiệm chính về việc đảm bảo chất lượng hoạt động kiểm toán nội bộ;

d. Đảm bảo công tác kiểm toán nội bộ có vị trí thích hợp trong SeABank và không có các trở ngại bất hợp lý đối với hoạt động kiểm toán nội bộ;

e. Xây dựng, sửa đổi, bổ sung và thường xuyên hoàn thiện quy định nội bộ về tổ chức và hoạt động của kiểm toán nội bộ;

f. Phê duyệt chính sách kiểm toán nội bộ (trừ trường hợp quy định tại điểm d khoản này); phê duyệt, điều chỉnh kế hoạch kiểm toán nội bộ hằng năm theo đề nghị của Trưởng kiểm toán nội bộ, đảm bảo kế hoạch kiểm toán nội bộ được định hướng theo rủi ro;

g. Đảm bảo phối hợp có hiệu quả với kiểm toán độc lập, kiểm toán Nhà nước, Ngân hàng Nhà nước (Cơ quan Thanh tra, giám sát ngân hàng và Ngân hàng Nhà nước chi nhánh);

h. Thực hiện báo cáo trực tiếp lên mọi cơ quan, mọi cấp trong SeABank và ngoài SeABank theo quy định của pháp luật và quy định của SeABank; Thực hiện gửi các báo cáo cho Ngân hàng Nhà nước theo quy định.

5. Đối với hệ thống kiểm soát nội bộ:[26]

a. Chỉ đạo, điều hành bộ phận kiểm soát nội bộ thực hiện rà soát, đánh giá một cách độc lập, khách quan đối với hệ thống kiểm soát nội bộ, trong đó bao gồm hệ thống nhận dạng và quản lý rủi ro; phương pháp đánh giá vốn; hệ thống thông tin báo cáo tài chính và thông tin quản lý; các quy trình, quy định nội bộ của SeABank;

b. Định kỳ thông báo Hội đồng quản trị, Tổng giám đốc (Giám đốc) về hệ thống kiểm soát nội bộ; đưa ra các kiến nghị, đề xuất nhằm chỉnh sửa, hoàn thiện hệ thống kiểm soát nội bộ.

c. Các nội dung khác theo quy định về hệ thống kiểm soát nội bộ của Ngân hàng.

6. Giữa các thành viên BKS với nhau: [27]

a. Các thành viên BKS có mối quan hệ độc lập, không phụ thuộc lẫn nhau nhưng có sự phối hợp, cộng tác trong công việc chung để đảm bảo thực hiện tốt trách nhiệm, quyền và nhiệm vụ của BKS theo quy định pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.

[26] Điều 32 Thông tư số 44/2011/TT-NHNN.

[27] Điều 19 Quy chế tổ chức và hoạt động của Ban Kiểm soát Mẫu ban hành kèm theo Phụ lục số IV Thông tư số 116/2020/TT-BTC.

b. Các thành viên BKS phải đoàn kết gắn bó với nhau, phải thật sự tôn trọng nhau, phải giúp đỡ và động viên nhau hoàn thành mọi nhiệm vụ được phân công; đồng thời phải mạnh dạn đấu tranh để xây dựng, củng cố và vì sự phát triển của SeABank.

c. Trưởng BKS là người điều phối và phân công công việc chung của BKS nhưng không có quyền chi phối các thành viên BKS. Thành viên BKS phải có trách nhiệm báo cáo với Trưởng BKS về tình hình hoạt động của SeABank.

CHƯƠNG III
ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 25. Hiệu lực thi hành

1. Quy chế này được xây dựng căn cứ vào Điều lệ của SeABank, quy định của pháp luật hiện hành và đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua tại cuộc họp ngày 21/04/2022.
2. Quy chế này có hiệu lực kể từ ngày ký và thay thế Quy chế tổ chức và hoạt động của BKS SeABank ban hành kèm theo Quyết định số 66/2021/QĐ-BKS ngày 24/9/2021. của BKS SeABank.
3. Việc sửa đổi, bổ sung Quy chế này do Đại hội đồng cổ đông thông qua. Trường hợp có sự thay đổi các văn bản quy phạm pháp luật được nêu trong Quy chế này, quy định mới sẽ đương nhiên được áp dụng.
4. Trưởng BKS có quyền hướng dẫn và quy định chi tiết các nội dung trong Quy chế này để thực hiện các nhiệm vụ được giao đảm bảo phù hợp với quy định của pháp luật, Điều lệ SeABank và Quy chế này.
5. Các thành viên BKS, thành viên Hội đồng Quản trị, Phòng Kiểm toán nội bộ và các đơn vị, cá nhân liên quan có trách nhiệm thi hành Quy chế này.

TM. BAN KIỂM SOÁT
TRƯỞNG BAN

NGÂN HÀNG THƯƠNG MẠI CỔ PHẦN ĐÔNG NAM

VŨ THỊ NGỌC QUỲNH